

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo soát xét	3
Báo cáo tài chính đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 06 năm 2014	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 27



CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, Khu Công Nghiệp Biên Hoà 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai được thành lập từ việc chuyển đổi nhà máy Sơn Đồng Nai (Doanh nghiệp nhà nước thuộc Sở Công Nghiệp Đồng Nai) theo Quyết định số 4636/QĐ-TTG ngày 13/12/1999 của Chủ tịch UBND Tỉnh Đồng Nai.

Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4703000004 ngày 01 tháng 03 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 16 tháng 05 năm 2014.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đường số 7, Khu Công Nghiệp Biên Hoà 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 15.182.180.000 VND.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2014 gồm:

- Chi Nhánh đặt tại Khu Công Nghiệp Yên Phong, Xã Long Châu, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Trịnh Minh Trương	Chủ tịch
Ông Hoàng Thuỳền	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Nhiên	Thành viên
Ông Đào Đình Đề	Thành viên
Ông Liu Chien Hung	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Bà Lê Thị Hoàng Oanh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Thanh Hương	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Trịnh Minh Trương	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Thuỳền	Phó Tổng Giám đốc

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Đồng Nai, ngày 11 tháng 08 năm 2014

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRỊNH MINH TRƯƠNG



Số: 15.104/BCSX-DTL.

BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2014 của Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 04 đến trang 27 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2014

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



LỤC THỊ VÂN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0172-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

DIỆC LỆ BÌNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1714-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, Khu Công Nghiệp Biên Hoà 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối kỳ	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		43.970.079.777	41.996.960.429
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	7.348.528.845	10.633.327.449
1. Tiền	111		1.556.933.012	1.733.327.449
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.791.595.833	8.900.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.2	23.494.956.220	19.059.174.524
1. Phải thu khách hàng	131		18.031.426.475	14.380.464.951
2. Trả trước cho người bán	132		405.637.970	889.000.075
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		8.591.755.241	7.168.640.113
6. Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.533.863.466)	(3.378.930.615)
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	12.692.165.692	12.183.986.957
1. Hàng tồn kho	141		12.945.971.581	12.284.475.081
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(253.805.889)	(100.488.124)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		434.429.020	120.471.499
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		378.787.879	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		55.641.141	120.471.499

(Phần tiếp theo trang 05)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, Khu Công Nghiệp Biên Hoà 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối kỳ	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.827.350.360	11.508.137.868
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		5.902.325.670	5.852.137.351
1. TSCĐ hữu hình	221	5.4	5.564.375.670	5.374.798.297
+ Nguyên giá	222		18.644.950.160	17.807.966.806
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.080.574.490)	(12.433.168.509)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227		-	-
+ Nguyên giá	228		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.5	337.950.000	477.339.054
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.6	5.019.000.000	5.019.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		5.019.000.000	5.019.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		906.024.690	637.000.517
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	570.708.540	301.684.367
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.8	335.316.150	335.316.150
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		55.797.430.137	53.505.098.297

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, Khu Công Nghiệp Biên Hoà 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Cuối kỳ	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		27.199.191.508	26.580.487.545
I. Nợ ngắn hạn	310		26.732.315.748	26.183.611.785
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	10.748.907.544	11.313.266.340
2. Phải trả người bán	312	5.10	7.182.455.343	6.565.020.735
3. Người mua trả tiền trước	313	5.10	9.953.253	9.858.695
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	1.659.874.728	1.152.932.613
5. Phải trả người lao động	315	5.12	3.266.428.027	3.582.120.768
6. Chi phí phải trả	316	5.13	1.655.018.936	1.222.654.193
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.14	1.461.644.644	1.129.257.963
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.15	748.033.273	1.208.500.478
II. Nợ dài hạn	330		466.875.760	396.875.760
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.16	466.875.760	396.875.760
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		28.598.238.629	26.924.610.752
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	28.598.238.629	26.924.610.752
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		15.182.180.000	15.182.180.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		6.816.667.563	4.801.192.208
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	2.350.205.150
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.408.493.718	1.408.493.718
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.190.897.348	3.182.539.676
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		55.797.430.137	53.505.098.297

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, Khu Công Nghiệp Biên Hoà 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai.

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Chỉ tiêu	Th. minh	Cuối kỳ	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		593.937.719	593.937.719
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		739,12	738,76
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Đồng Nai, ngày 28 tháng 07 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

HUỲNH THỊ THANH HƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRƯƠNG ĐÌNH DŨNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRỊNH MINH TRƯỜNG

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, Khu Công Nghiệp Biên Hoà 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		64.314.693.632	55.099.917.693
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4.529.448.778	1.875.472.808
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	59.785.244.854	53.224.444.885
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	43.807.007.598	39.628.460.666
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.978.237.256	13.595.984.219
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	362.926.548	187.300.685
7. Chi phí tài chính	22	6.4	1.657.610.990	1.392.397.382
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		385.433.894	273.997.597
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	3.556.211.840	3.147.885.511
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	5.742.419.330	4.702.257.883
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.384.921.644	4.540.744.128
11. Thu nhập khác	31	6.7	222.836.693	165.013.193
12. Chi phí khác	32	6.8	99.742.204	108.040.179
13. Lợi nhuận khác	40		123.094.489	56.973.014
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.508.016.133	4.597.717.142
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	1.222.331.461	1.149.619.730
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.285.684.672	3.448.097.412
18. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần	70		2.823	2.271

3302
C
TRẮC
K
HẠN

Đồng Nai, ngày 28 tháng 07 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



HUỲNH THỊ THANH HƯƠNG

TRƯƠNG ĐÌNH DŨNG

TRỊNH MINH TRƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, Khu Công Nghiệp Biên Hoà 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.508.016.133	4.597.717.142
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		787.513.681	791.321.839
Các khoản dự phòng	03		308.250.616	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(397.188.339)	(197.141.569)
Chi phí lãi vay	06		385.433.894	273.997.597
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		6.592.025.985	5.465.895.009
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.525.884.189)	(1.712.159.037)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(661.496.500)	(1.518.452.084)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		1.412.367.482	(719.212.434)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(647.812.052)	(317.402.273)
Tiền lãi vay đã trả	13		(385.433.894)	(273.997.597)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(991.168.979)	(1.003.054.610)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(795.197.000)	(837.173.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		(2.599.147)	(915.556.026)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(837.702.000)	(147.205.455)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		35.909.091	18.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		361.279.248	181.376.411
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(440.513.661)	52.352.774

(Phần tiếp theo trang 10)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, Khu Công Nghiệp Biên Hoà 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		23.708.876.949	25.276.999.034
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(24.273.235.745)	(15.075.826.645)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.277.327.000)	(2.277.327.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.841.685.796)	7.923.845.389
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(3.284.798.604)	7.060.642.137
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		10.633.327.449	1.731.482.947
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		7.348.528.845	8.792.125.084

NGƯỜI LẬP BIỂU

HUỲNH THỊ THANH HƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRƯƠNG ĐÌNH DŨNG

Đồng Nai, ngày 28 tháng 07 năm 2014

TỔNG GIÁM ĐỐC


TRỊNH MINH TRƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là nhà máy Sơn Đồng Nai (doanh nghiệp nhà nước thuộc Sở Công nghiệp Đồng Nai). Ngày 13 tháng 12 năm 1999, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000004 ngày 03 tháng 01 năm 2000 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 16 tháng 05 năm 2014.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 7 là 15.182.180.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đường số 7, Khu Công nghiệp Biên Hoà 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 06 năm 2014 gồm:

- Chi Nhánh đặt tại Khu Công nghiệp Yên Phong, Xã Long Châu, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 là 222 nhân viên (31/12/2013: 218 nhân viên).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh sản phẩm về sơn, keo;
- Xuất nhập khẩu, nguyên liệu và sản phẩm liên quan đến sơn và keo;
- Dịch vụ thi công về sơn;
- Xây dựng nhà các loại và các công trình kỹ thuật dân dụng khác.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối

đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.3 Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.4 Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.5 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Năm 2014

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 15 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 18 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07 năm

4.7 Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.8 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính.

+ Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.9 Chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

4.10 Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.11 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.
- Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày dưới đây.
- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.12 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.13 Thuế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp
 - + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%
 - + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Thuế giá trị gia tăng
 - Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

+ Bán sơn các loại	10%
+ Dịch vụ gia công	10%
- Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.14 Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	1.229.809.149	1.129.487.359
Tiền gửi ngân hàng	327.123.863	603.840.090
Các khoản tương đương tiền	5.791.595.833	8.900.000.000
Tổng cộng	7.348.528.845	10.633.327.449

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	18.031.426.475	14.380.464.951
Trả trước cho người bán	405.637.970	889.000.075
Các khoản phải thu khác	8.591.755.241	7.168.640.113
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	27.028.819.686	22.438.105.139
Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.533.863.466)	(3.378.930.615)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	23.494.956.220	19.059.174.524

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu tiền gia công	7.077.806.807	6.230.486.969
Phải thu khác	1.513.948.434	938.153.144
Cộng	8.591.755.241	7.168.640.113

5.3. Hàng tồn kho

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	7.233.321.334	6.782.314.977
Công cụ, dụng cụ	452.523.679	801.162.217
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	364.933.466	323.488.601
Thành phẩm	4.894.007.307	4.376.793.786
Hàng hóa	1.185.795	715.500
Cộng giá gốc hàng tồn kho	12.945.971.581	12.284.475.081
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(253.805.889)	(100.488.124)
Giá trị thuần có thể thực hiện	12.692.165.692	12.183.986.957

Giá trị trích thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm là 153.317.765 VND do hàng tồn kho chậm luân chuyển trong kỳ.

Giá trị thuần hàng tồn kho dùng để thế chấp đảm bảo cho các khoản nợ vay là 12.692.165.692 VND – xem thêm mục 5.9.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	VND Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	5.675.285.703	7.313.675.750	4.686.744.808	132.260.545	17.807.966.806
Mua trong kỳ	-	857.960.054	119.131.000	-	977.091.054
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(140.107.700)	-	(140.107.700)
Số dư cuối kỳ	5.675.285.703	8.171.635.804	4.665.768.108	132.260.545	18.644.950.160
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	4.750.762.712	4.905.220.716	2.706.122.266	71.062.815	12.433.168.509
Khấu hao trong kỳ	124.394.736	398.246.497	252.783.966	12.088.482	787.513.681
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(140.107.700)	-	(140.107.700)
Số dư cuối kỳ	4.875.157.448	5.303.467.213	2.818.798.532	83.151.297	13.080.574.490
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	924.522.991	2.408.455.034	1.980.622.542	61.197.730	5.374.798.297
Tại ngày cuối kỳ	800.128.255	2.868.168.591	1.846.969.576	49.109.248	5.564.375.670

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 211.546.948 VND – Xem thêm mục 5.9.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 7.515.774.749 VND.

(Phần tiếp theo ở trang 17)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

5.5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Máy pha màu	-	358.208.054
Hệ thống báo cháy	-	119.131.000
Máy pha màu tự động	228.204.000	-
Máy trộn kẹp lắc đảo chiều sơn tự động	109.746.000	-
Tổng cộng	337.950.000	477.339.054

5.6. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư dài hạn khác	5.019.000.000	5.019.000.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	5.019.000.000	5.019.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	-
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	5.019.000.000	5.019.000.000

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	VND			
	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu Công ty CP đầu tư Nhơn Trạch	81.900	819.000.000	81.900	819.000.000
Đầu tư cổ phiếu Công ty CP Sonadezi Châu Đức	420.000	4.200.000.000	420.000	4.200.000.000
Cộng	501.900	5.019.000.000	501.900	5.019.000.000

5.7. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ.

5.8. Tài sản dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược nhằm mục đích thuê nhà xưởng tại khu công nghiệp Yên Phong Bắc Ninh theo hợp đồng thuê nhà xưởng số 58-2008/CTXD-HĐKT.

5.9. Vay và nợ ngắn hạn

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	10.748.907.544	11.313.266.340
Tổng cộng	10.748.907.544	11.313.266.340

Vay ngắn hạn ngân hàng bao gồm:

+ Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam_ Chi nhánh KCN Biên Hòa theo hợp đồng tín dụng 01/2013 - HỘTDHM/NHCT682 – SĐN ngày 23/8/2013, thời hạn vay không quá 5 tháng, hạn mức tín dụng 10.000.000.000 đồng, lãi suất theo từng giấy nhận nợ, bình quân 7,5 %/năm. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động và phục vụ sản xuất kinh doanh.

Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản sau:

- Máy móc, thiết bị trị giá 81.000.000 đồng theo Biên bản định giá lại Tài sản đảm bảo số 01/SĐN/2011/BBĐGL2 ngày 23/08/2013 (xem thêm mục 5.4).

- Nhà máy sản xuất sản phẩm sơn các loại trị giá 493.000.000 đồng theo Biên bản định giá lại Tài sản đảm bảo số 02/SĐN/2010/BBĐGL3 ngày 23/08/2013 (xem thêm mục 5.4).

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

- Toàn bộ hàng tồn kho trị giá tối thiểu là 10 tỷ đồng theo Biên bản định giá lại Tài sản đảm bảo số 03/SĐN/2012/BBĐGL1 ngày 23/08/2013 (Xem thêm mục 5.3).

+ Vay ngắn hạn ngân hàng TNHH MTV HSBC theo hợp đồng tín dụng số DNI 121613 ngày 20/11/2012, thời hạn vay 4 tháng, hạn mức tín dụng tương đương 600.000 USD, lãi suất theo từng giấy nhận nợ, bình quân 6,5%/ năm. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu khách hàng của Công ty với trị giá ít nhất 600.000 USD.

5.10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	7.182.455.343	6.565.020.735
Người mua trả tiền trước	9.953.253	9.858.695
Tổng cộng	7.192.408.596	6.574.879.430

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	846.942.709	516.610.254
Thuế thu nhập doanh nghiệp	616.376.929	385.214.447
Thuế thu nhập cá nhân	196.555.090	251.107.912
Tổng cộng	1.659.874.728	1.152.932.613

5.12. Phải trả người lao động

Là khoản lương 6 năm 2014 còn phải trả cho người lao động.

5.13. Chi phí phải trả

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Trích trước tiền thưởng doanh số đại lý	946.000.000	704.820.000
Trích trước chi phí chiết khấu thương mại phải trả	-	178.447.727
Trích trước chi phí điện tại phân xưởng AMATA	147.839.988	154.725.557
Trích trước chi phí quà tặng khách hàng 2013	-	184.660.909
Trích trước chi phí quảng cáo năm 2014	335.000.000	-
Chi phí phải trả khác	226.178.948	-
Tổng cộng	1.655.018.936	1.222.654.193

5.14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	34.281.616	30.111.427
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	528.707.316	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	19.008.870	19.008.870
Các khoản phải trả, phải nộp khác	879.646.842	1.080.137.666
Tổng cộng	1.461.644.644	1.129.257.963

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Các khoản phải trả, phải nộp khác được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả tiền thuê nhà xưởng CN Bắc Ninh cho PPG	703.269.739	703.269.739
Tiền điện phân xưởng AMATA phải trả cho PPG	-	89.981.418
Thuế nhập khẩu phải trả cho Công ty International Paint Singapore	45.805.756	45.805.756
Các khoản phải trả khác	130.571.347	241.080.753
Tổng cộng	879.646.842	1.080.137.666
5.15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	1.208.500.478	1.490.980.811
Trích lập trong kỳ	334.729.795	362.382.100
Sử dụng trong kỳ	(795.197.000)	(839.248.000)
Số dư cuối năm	748.033.273	1.014.114.911
5.16. Phải trả dài hạn khác		
	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	346.875.760	346.875.760
Ký quỹ máy pha màu	120.000.000	50.000.000
Tổng cộng	466.875.760	396.875.760

(Phần tiếp theo ở trang 20)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

5.17. Vốn chủ sở hữu**5.17.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	15.182.180.000	3.434.620.723	2.015.475.355	1.073.763.923	3.686.091.337	25.392.131.338
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	6.694.595.899	6.694.595.899
Trích quỹ bổ sung năm 2012	-	362.382.100	-	-	(724.764.200)	(362.382.100)
Trích quỹ năm 2013	-	1.004.189.385	334.729.795	334.729.795	(2.677.838.360)	(1.004.189.385)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(3.795.545.000)	(3.795.545.000)
Số dư đầu năm nay	15.182.180.000	4.801.192.208	2.350.205.150	1.408.493.718	3.182.539.676	26.924.610.752
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	4.285.684.672	4.285.684.672
Kết chuyển quỹ DPTC sang quỹ ĐTPT (theo NQ ĐHCĐ 26/4/14)	-	2.015.475.355	(2.015.475.355)	-	-	-
Hoàn nhập quỹ DPTC đã trích năm 2013	-	-	(334.729.795)	-	334.729.795	-
Trích bổ sung quỹ phúc lợi năm 2012	-	-	-	-	(334.729.795)	(334.729.795)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(2.277.327.000)	(2.277.327.000)
Số dư cuối kỳ	15.182.180.000	6.816.667.563	-	1.408.493.718	5.190.897.348	28.598.238.629

(Phân tiếp theo ở trang 21)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

5.17.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	4.555.440.000	4.555.440.000
Vốn góp của các đối tượng khác	10.626.740.000	10.626.740.000
Tổng cộng	15.182.180.000	15.182.180.000

5.17.3. Cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	1.518.218	1.518.218
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	1.518.218	1.518.218
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	-	-
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	1.518.218	1.518.218
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

5.17.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	4.285.684.672	3.448.097.412
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	1.518.218	1.518.218
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	2.823	2.271

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán hàng	59.358.414.258	55.001.742.693
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.956.279.374	98.175.000
Chiết khấu thương mại	(4.183.309.906)	(1.682.658.680)
Hàng bán bị trả lại	(346.138.872)	(192.814.128)
Doanh thu thuần	59.785.244.854	53.224.444.885

6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	40.585.377.293	39.628.460.666
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.068.312.540	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	153.317.765	-
Tổng cộng	43.807.007.598	39.628.460.666

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi	361.279.248	181.376.411
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.647.300	5.490.322
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	433.952
Tổng cộng	362.926.548	187.300.685

6.4. Chi phí tài chính

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	385.433.894	273.997.597
Chiết khấu thanh toán	1.265.884.296	1.079.898.095
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.292.800	38.501.690
Tổng cộng	1.657.610.990	1.392.397.382

6.5. Chi phí bán hàng

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí vật liệu, bao bì	564.963.984	689.770.487
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	3.977.640	6.749.934
Chi phí khấu hao TSCĐ	124.318.374	-
Chi phí hoạt động xúc tiến thương mại	2.178.461.126	1.732.102.383
Chi phí dịch vụ mua ngoài	142.181.325	196.556.204
Chi phí bằng tiền khác	542.309.391	522.706.503
Tổng cộng	3.556.211.840	3.147.885.511

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	3.236.556.427	2.538.342.923
Chi phí vật liệu quản lý	231.053.199	252.131.923
Chi phí đồ dùng văn phòng	123.532.515	160.968.133
Chi phí khấu hao TSCĐ	102.091.662	173.560.426
Thuế, phí và lệ phí	74.722.053	116.972.117
Chi phí dự phòng	164.932.851	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	300.361.023	232.895.945
Chi phí bằng tiền khác	1.509.169.600	1.227.386.416
Tổng cộng	5.742.419.330	4.702.257.883

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

6.7. Thu nhập khác

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Thu tiền phạt, tiền bồi thường	18.000.000	-
Thu nhập từ xử lý vật tư, hàng hóa thừa	155.937.050	144.284.883
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	35.909.091	18.181.818
Thu nhập khác	12.990.552	2.546.492
Tổng cộng	222.836.693	165.013.193

6.8. Chi phí khác

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Tiền phạt, tiền bồi thường	2.376.204	3.516.098
Xử lý hao hụt vật tư thiếu	93.577.216	102.107.421
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	2.416.660
Chi phí khác	3.788.784	-
Tổng cộng	99.742.204	108.040.179

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	5.508.016.133	4.597.717.142
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	48.035.964	761.790
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	5.556.052.097	4.598.478.932
Trong đó		
+ Thu nhập được hưởng ưu đãi thuế (CN Bắc Ninh)	-	-
+ Thu nhập không được hưởng ưu đãi thuế	5.556.052.097	4.598.478.932
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	1.222.331.461	1.149.619.733
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước	-	-
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	1.222.331.461	1.149.619.733

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế như: chi phí không hợp lý, hợp lệ, các khoản phạt vi phạm hành chính...

6.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.760.328.803	30.243.275.395
Chi phí nhân công	13.606.980.994	9.792.662.678
Chi phí khấu hao tài sản cố định	787.513.681	791.321.839
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.163.052.445	1.333.143.310
Chi phí khác bằng tiền	8.545.116.039	6.818.638.399
Tổng cộng	54.862.991.962	48.979.041.621

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty

Tên công ty	Mối quan hệ		VND
1. Trịnh Minh Trương	Tổng Giám đốc Công ty		
<ul style="list-style-type: none">Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:			
		Kỳ này	Kỳ trước
Thù lao Hội đồng quản trị và ban kiểm soát		170.832.000	163.500.000
Lương Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác		414.647.703	388.607.016
Tổng cộng		585.479.703	552.107.016

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.14.

- Các loại công cụ tài chính

	VND	
	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2014	01/01/2014
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.348.528.845	10.633.327.449
Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.575.369.816	17.232.021.305
Đầu tư dài hạn	5.019.000.000	5.019.000.000
Tài sản tài chính khác	335.316.150	335.316.150
Tổng cộng	34.278.214.811	33.219.664.904
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	10.748.907.544	11.313.266.340
Phải trả người bán và phải trả khác	8.371.609.712	7.774.156.522
Chi phí phải trả	1.655.018.936	1.222.654.193
Tổng cộng	20.775.536.192	20.310.077.055

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

▪ Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

▪ Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	31.464,00	31.464,00	739,12	738,76

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả.

(Phần tiếp theo ở trang 26)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả.

			VND
30/06/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay	10.748.907.544	-	10.748.907.544
Phải trả người bán và phải trả khác	7.904.733.952	466.875.760	8.371.609.712
Chi phí phải trả	1.655.018.936	-	1.655.018.936
01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay	11.313.266.340	-	11.313.266.340
Phải trả người bán và phải trả khác	7.377.280.762	396.875.760	7.774.156.522
Chi phí phải trả	1.222.654.193	-	1.222.654.193

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

			VND
30/06/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.575.369.816	-	21.575.369.816
Các khoản đầu tư	-	5.019.000.000	5.019.000.000
Tài sản tài chính khác	-	335.316.150	335.316.150
01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.232.021.305	-	17.232.021.305
Các khoản đầu tư	-	5.019.000.000	5.019.000.000
Tài sản tài chính khác	-	335.316.150	335.316.150

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

10. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 28 tháng 07 năm 2014.

Đồng Nai, ngày 28 tháng 07 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



HUỲNH THỊ THANH HƯƠNG

TRƯƠNG ĐÌNH DŨNG

TRỊNH MINH TRƯƠNG